

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và tổng kết tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 5363/BTNMT-BĐKH ngày 31/8/2021 về việc báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và báo cáo tổng kết tình hình thực hiện CTMT ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020; Trên cơ sở tổng hợp của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường như sau:

Theo Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 – 2020; Công văn số 180/BTNMT-KHTC và Công văn số 181/BTNMT-KHTC ngày 12/01/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn các Bộ, địa phương triển khai các nhiệm vụ Hợp phần Biến đổi khí hậu thuộc Chương trình; qua thời gian 05 năm thực hiện các nhiệm vụ, dự án, kết quả tóm tắt như sau:

I. THỰC HIỆN KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Dự án thuộc Chương trình thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước theo Phụ lục 1 của Công văn số 5363/BTNMT-BĐKH ngày 31/8/2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định do Ban Quản lý Dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định thực hiện, bao gồm:

1. Dự án “Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang” (Hợp phần BĐKH): đã được Kiểm toán Nhà nước khu vực III thực hiện vào tháng 7/2021. Hiện nay, đang chờ văn bản thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2. Dự án “Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cận để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định” (Hợp phần Tăng trưởng xanh): đã được Kiểm toán Nhà nước khu vực III thực hiện vào tháng 7/2021. Hiện nay, đang chờ văn bản thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

3. Dự án “Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại - tỉnh Bình Định” (Hợp phần BDKH): Có nội dung trồng, phục hồi rừng phê duyệt giảm so với đăng ký, cụ thể như sau:

3.1. Nội dung và quy mô được phê duyệt

Dự án được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 01/4/2013. Tổng mức đầu tư của Dự án là 304 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn thuộc Chương trình SP-RCC là 238 tỷ đồng (gồm các khoản chi phí xây dựng, trồng rừng ngập mặn, quản lý dự án và tư vấn), vốn đối ứng là 66 tỷ đồng (gồm các khoản chi phí bồi thường GPMB, chi phí khác và dự phòng). Dự án bao gồm 02 hợp phần:

- Hợp phần 1: Củng cố, nâng cấp đê và công trình trên đê

Củng cố, nâng cấp 24,60 km đê và công trình trên đê thuộc hệ thống đê Đông vùng hạ lưu sông Côn, sông Hà Thanh nhằm ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng, thoát lũ, chống thiên tai gây ra do bão lụt, triều cường, nước dâng, sóng lớn, xói lở ven bờ, giảm ngập lụt cho vùng thượng lưu.

- Hợp phần 2: Trồng rừng ngập mặn

Trồng chăm sóc và bảo vệ 302,3 ha rừng ngập mặn của đầm Thị Nại để giảm khí thải nhà kính, chắn sóng, gió, chống xói lở chân đê và giữ phù sa gây bãi, cải tạo cảnh quan môi trường, tạo điều kiện phát triển du lịch sinh thái trong đầm Thị Nại. Trong đó bao gồm: Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng tập trung 171,6 ha (trồng mới); trồng, chăm sóc và bảo vệ cây trồng phân tán 35 ha; Giao khoán chăm sóc, bảo vệ rừng tập trung hiện có 65,7 ha; Hỗ trợ quản lý bảo vệ cây trồng phân tán 30 ha. Tổng kinh phí trồng rừng là 21,407 tỷ đồng.

3.2. Nội dung và quy mô được phê duyệt điều chỉnh, bổ sung

Về quy mô đầu tư: Trong quá trình thực hiện, để phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật có liên quan, UBND tỉnh Bình Định đã phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư tại Quyết định số 3685/QĐ-UBND ngày 19/10/2016. Nội dung điều chỉnh, bổ sung có sự khác nhau so với Văn bản số 1443/TTg-QHQT ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

- Hợp phần 1: Chiều dài tuyến đê sau điều chỉnh, bổ sung là 25,54 km, tăng 0,74 km so với Văn bản số 1443/TTg-QHQT ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ (24,8 km). Nguyên nhân là do dự án được nghiên cứu từ năm 2010, đề xuất đưa vào dự án từ năm 2012, đến năm 2017 một số đoạn đê nằm xen kẽ đã được đầu tư xây dựng trước đây đã xuống cấp phần bê tông mặt, không đảm bảo an toàn cho đê và giao thông đi lại, dự án chỉ thực hiện bổ sung phần bê tông hóa mặt đê để kết nối hệ thống đê được đồng bộ, không tăng quy mô đầu tư.

- Hợp phần 2: Quy mô diện tích trồng rừng ngập mặn sau điều chỉnh, bổ sung như sau: Trồng, chăm sóc và bảo vệ 11,6 ha rừng tập trung (giảm 160 ha so với dự án ban đầu); Trồng, chăm sóc, bảo vệ và phục hồi 36,6 ha cây trồng phân tán (tăng 1,6 ha so với dự án ban đầu). Kinh phí thực hiện trồng rừng được điều chỉnh giảm từ 21,407 tỷ đồng xuống còn 5,554 tỷ đồng (giảm 15,853 tỷ đồng).

3.3. Giải trình nội dung trồng, phục hồi rừng phê duyệt giảm so với đăng ký

Nguyên nhân quy mô trồng rừng giảm so với Văn bản số 1443/TTg-QHQT ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ: Nguyên nhân là do dự án được nghiên cứu từ năm 2010, đề xuất đưa vào dự án từ năm 2012. Do đó, từ năm 2010 đến năm 2017, bằng nhiều nguồn vốn của các chương trình, dự án khác, tại vùng đầm Thị Nại đã triển khai trồng 81 ha rừng ngập mặn (Ban Quản lý Khu sinh thái Cồn Chim - Đầm Thị Nại trồng 38 ha, Văn phòng điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định trồng 5 ha, dự án Dịch vụ hệ sinh thái tạo khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu thành phố Quy Nhơn do Quỹ Rockefeller tài trợ triển khai trồng tiếp 38 ha). Như vậy, diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn đầm Thị Nại còn lại 90,6 ha. Sau khi kiểm tra, rà soát, số diện tích còn lại có khả năng trồng rừng tập trung là 11,6 ha, số diện tích còn lại một phần đã bị đô thị hóa, một phần nằm trong hành lang thoát lũ và một phần nằm trong vùng nước sâu chưa có khả năng trồng được. Không thực hiện phần khoán chăm sóc, bảo vệ rừng tập trung hiện có là 65,7 ha và hỗ trợ quản lý bảo vệ cây trồng phân tán 30 ha, do rừng này đã phát triển hết thời kỳ chăm sóc. Phần kinh phí thực hiện trồng rừng giảm (15,853 tỷ đồng) đã được điều chỉnh, bổ sung bù vào kinh phí xây dựng đê và trượt giá của dự án (do thời gian thực hiện dự án kéo dài từ 03 năm lên 05 năm).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Đối với các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Hợp phần Biến đổi khí hậu

1.1. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện 02 nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ “Đánh giá khí hậu tỉnh Bình Định”, đã hoàn thành nghiệm thu nhiệm vụ lập Báo cáo Đánh giá khí hậu giai đoạn 2008-2018 và trình UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4129/QĐ-UBND ngày 11/10/2021.

- Nhiệm vụ “Xây dựng Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định”, đã phối hợp với các ngành liên quan lập kế hoạch và trình UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 4708/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 (xây dựng nhiệm vụ theo chỉ đạo, không có dự toán, không có kinh phí).

1.2. Văn phòng Điều phối về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định (CCCCO) thực hiện nhiệm vụ “Cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai

đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 của tỉnh Bình Định”, nhiệm vụ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 28/09/2020.

(Kết quả thực hiện theo Phụ lục đính kèm).

2. Đối với các Dự án thuộc Hợp phần Biến đổi khí hậu và Tăng trưởng xanh

Ban Quản lý Dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định thực hiện 03 dự án (nêu tại mục I) thuộc Hợp phần Biến đổi khí hậu và Tăng trưởng xanh của Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 – 2020; đến thời điểm hiện tại, 03 dự án đã hoàn thành đúng tiến độ và quy mô được phê duyệt.

(Kết quả thực hiện theo Phụ lục đính kèm).

III. KIẾN NGHỊ

Nhiệm vụ “Xây dựng Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định” do Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai dựa trên các hướng dẫn của Trung ương, không có kinh phí thực hiện nên công tác điều tra, đánh giá, đề xuất xây dựng kế hoạch chưa chi tiết và cụ thể.

Do vậy, kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường có hướng dẫn cụ thể để điều chỉnh, bổ sung và phân bổ kinh phí hoặc có văn bản đề địa phương phân bổ kinh phí để điều chỉnh kế hoạch.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Biến đổi khí hậu;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- BQLDA Nông nghiệp và PTNT;
- VP ĐP BĐKH tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH
GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /10/2021 của UBND tỉnh Bình Định)

A. NHIỆM VỤ SỰ NGHIỆP

I. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Thông tin chung

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ	Kinh phí tại Quyết định phê duyệt		Kinh phí đã được phân bổ		Kinh phí được nghiệm thu, quyết toán	
			Nguồn Chương trình	Ngân sách tỉnh	Nguồn Chương trình	Ngân sách tỉnh	Nguồn Chương trình	Ngân sách tỉnh
1	Đánh giá khí hậu tỉnh Bình Định	Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 05/01/2019	400	74	400	63,685	400	63,685
2	Xây dựng Kế hoạch triển khai Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 4708/QĐ-UBND ngày 18/12/2017	0	0	0	0	0	0

2. Các kết quả đạt được đến thời điểm báo cáo

2.1. Nhiệm vụ “Đánh giá khí hậu tỉnh Bình Định”

a) Kết quả đã thực hiện:

- Lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ “Đánh giá khí hậu tỉnh Bình Định” theo Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ “Đánh giá khí hậu tỉnh Bình Định”.

- Tổ chức điều tra, thu thập, bổ sung tài liệu thực hiện nhiệm vụ tại Công văn số 2242/STNMT-TNN ngày 15/10/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Lấy ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị liên quan tại Công văn số 6255/STNMT-TNN ngày 26/11/2019; xin ý kiến

góp ý của Cục Biến đổi khí hậu về Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ “Đánh giá khí hậu tỉnh Bình Định” tại Công văn số 2771/STNMT-TNN ngày 09/12/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Hoàn thiện Báo cáo “Đánh giá khí hậu tỉnh Bình Định”; xây dựng Biên bản thống nhất thông qua kết quả hoàn thiện Báo cáo, ngày 20/12/2019; trình UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo.

b) Sản phẩm cuối cùng: Quyết định phê duyệt Báo cáo “Đánh giá khí hậu tỉnh Bình Định” của UBND tỉnh số 4129/QĐ-UBND ngày 11/10/2021.

c) Kinh phí giải ngân: 463.685.000 đồng.

d) Các nội dung, kinh phí chưa thực hiện: Không có.

2.2. Nhiệm vụ “Xây dựng Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định”

a) Kết quả đã thực hiện:

Căn cứ Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu được ban hành tại Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, đồng thời phối hợp với các ngành liên quan lập kế hoạch và trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định tại Quyết định số 4708/QĐ-UBND ngày 18/12/2017.

b) Sản phẩm cuối cùng: Quyết định số 4708/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Định

c) Kinh phí giải ngân: 0 đồng.

d) Các nội dung, kinh phí chưa thực hiện: Không có.

II. Văn phòng Điều phối về Biến đổi khí hậu

1. Thông tin chung

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ	Kinh phí tại Quyết định phê duyệt		Kinh phí đã được phân bổ		Kinh phí được nghiệm thu, quyết toán	
			Nguồn Chương trình	Ngân sách tỉnh	Nguồn Chương trình	Ngân sách tỉnh	Nguồn Chương trình	Ngân sách tỉnh
1	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 tỉnh Bình Định	Quyết định 948/QĐ-UBND ngày 22/3/2019	1.000	170	1.000	170	1.000	169,2

2. Các kết quả đạt được đến thời điểm báo cáo

a) Kết quả đã thực hiện:

- Rà soát các văn bản liên quan đến biến đổi khí hậu ở cấp Trung ương, vùng, địa phương và Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định đã được ban hành.

- Rà soát các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh nhằm lồng ghép các yếu tố biến đổi khí hậu vào các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển đã ban hành cũng như các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển có kế hoạch ban hành.

- Xây dựng danh mục nhiệm vụ, dự án ưu tiên ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho tỉnh và lộ trình triển khai, nguồn lực thực hiện trong từng giai đoạn (2021 - 2025; 2026 - 2030).

- Xây dựng hệ thống bản đồ chuyên đề tỷ lệ 1/250.000.

- Hoàn thành bản Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 tỉnh Bình Định.

b) Sản phẩm cuối cùng: Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 tỉnh Bình Định.

c) Kinh phí giải ngân: 1.169.200.000 đồng.

d) Các nội dung, kinh phí chưa thực hiện: Không có.

B. DỰ ÁN ĐẦU TƯ DO BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BÌNH ĐỊNH THỰC HIỆN

I. Dự án “Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang” (thuộc Hợp phần BDKH)

1. Một số thông tin cơ bản dự án

1.1. Tên dự án: Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang

- Địa điểm xây dựng: thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

- Được đầu tư theo Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

1.2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định, số 200 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.3. Thời gian thực hiện dự án: 2018-2020

1.4. Nguồn vốn: 220.000.000.000 đồng (Biểu 01 kèm theo).

- Ngân sách Trung ương: 176.650.000.000 đồng;

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh, huyện: 43.350.000.000 đồng.

2. Đánh giá tình hình thực hiện

2.1. Mục tiêu thực hiện

a) Mục tiêu được duyệt: Ngăn mặn, giữ ngọt, tạo nguồn cấp nước tưới ổn định cho 900 ha đất nông nghiệp và cấp nước nuôi trồng thủy sản cho 155 ha ở hạ lưu; bổ sung nguồn nước ngầm, tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho 47.000 người ở khu vực thị trấn Bông Sơn và các xã Hoài Xuân, Hoài Hương, Hoài Mỹ, Hoài Hải, Hoài Đức thuộc thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định; Kết hợp làm cầu giao thông trên mặt đập tạo điều kiện cho nhân dân đi lại và lưu thông hàng hóa, đảm bảo phục vụ công tác cứu hộ cứu nạn khẩn cấp khi mưa bão xảy ra làm chia cắt cô lập vùng hạ lưu; Phục hồi phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân của khu vực, góp phần xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an ninh quốc phòng; Cải tạo môi trường sinh thái, tạo cảnh quan khu vực.

b) Mục tiêu đạt được: Đúng theo mục tiêu được phê duyệt.

2.2. Tình hình giải ngân

a) Kinh phí đã giao: 207.434.550.000 đồng

- Ngân sách Trung ương: 176.650.000.000 đồng;

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh, huyện: 34.558.793.000 đồng.

b) Kinh phí giải ngân: 206.932.742.000 đồng

- Ngân sách Trung ương: 176.650.000.000 đồng;

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh, huyện: 30.282.742.000 đồng.

c) Kinh phí dự kiến giải ngân đến hết năm 2021: 207.699.000 đồng (Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán).

2.3. Các kết quả đạt được đến thời điểm báo cáo

a) Mục tiêu đạt được:

- Xây dựng đập dài 152,30 m, gồm 10 cửa xả lũ ở giữa, mỗi cửa rộng 12 m, bố trí cửa van phẳng bằng thép cao 5,8 m, vận hành bằng tời điện; hai bên vai đập bố trí 02 khoang tràn tự do, mỗi khoang rộng 5 m (chiều dài đường tràn 20 m). Trên đập bố trí cầu giao thông tải trọng H18, rộng 4,5 m.

- Xây dựng kè bảo vệ bờ: Tổng chiều dài kè bờ 2.123 m, trong đó phía bờ phải hạ lưu đập dài 982,70 m, phía bờ phải thượng lưu đập 1.090,30 m, phía bờ trái hạ lưu đập dài 50 m.

- Xây dựng mới trạm biến áp công suất 250 kVA-22/0,4kV và tuyến hạ áp để cấp điện cho quản lý vận hành.

- Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường thuận lợi kết nối giao thông dài 4.528,08 m. Trong đó: Tuyến đường bờ tả có tổng chiều dài 1.264 m; Tuyến bờ hữu có tổng chiều dài 3.264,08 m.

- Sửa chữa, nâng cấp hai trạm: Trạm bơm Song Khánh và trạm bơm Định Trị đảm bảo cấp nước tưới ổn định cho 900 ha đất nông nghiệp và cấp nước nuôi trồng thủy sản cho 155 ha ở hạ lưu.

b) Khối lượng đã thực hiện: Đạt theo khối lượng được phê duyệt.

c) Tỷ lệ khối lượng hoàn thành so với quy mô được duyệt: Hoàn thành 100%.

2.4. *Dự kiến khả năng hoàn thành dự án:* Dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2020.

3. Đánh giá chung

3.1. *Thuận lợi:* Công trình đã hoàn thành đúng kế hoạch đề ra và đạt yêu cầu.

3.2. *Khó khăn, vướng mắc:* Không.

3.3. *Nguyên nhân:* Không.

3.4. *Cam kết tiến độ thực hiện, giải ngân:* Không.

3.5. *Đề xuất, kiến nghị:* Không.

4. Các tài liệu kèm theo

4.1. *Quyết định phê duyệt dự án và các Quyết định điều chỉnh, bổ sung:*

- Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 05/4/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Quyết định số 4375/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng.

4.2. *Quyết định phân bổ kinh phí (NSTW, đối ứng):*

4.3. *Biên bản bàn giao, nghiệm thu hạng mục, dự án hoàn thành.*

4.4. *Báo cáo hoàn thành:* số 224/BC-BQL ngày 15/12/2020 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT.

4.5. *Quyết định phê duyệt dự án hoàn thành.*

4.6. *Xác nhận của Kho bạc nhà nước về số liệu thanh toán vốn đầu tư hàng năm và tính đến 30/9/2021 (Bao gồm vốn NSTW, NSDP, nguồn khác).*

II. Dự án “Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại - tỉnh Bình Định” (thuộc Hợp phần BDKH)

1. Một số thông tin cơ bản dự án

1.1. *Tên dự án:* Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại - tỉnh Bình Định.

- Địa điểm xây dựng: Phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn; thị trấn Tuy Phước, xã Phước Thuận, xã Phước Sơn và xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Được đầu tư theo Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 31/5/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

1.2. *Chủ đầu tư:* Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định, số 200 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.3. *Thời gian thực hiện dự án:* 2013-2018.

1.4. *Nguồn vốn:* 304.000.000.000 đồng (Biểu 01 kèm theo).

- Ngân sách Trung ương: 238.000.000.000 đồng;

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh, huyện: 66.000.000.000 đồng.

2. Đánh giá tình hình thực hiện

2.1. Mục tiêu thực hiện

a) Mục tiêu được duyệt:

- Củng cố, nâng cấp hệ thống đê Đông vùng hạ lưu sông Kôn, sông Hà Thanh theo quy hoạch tiêu thoát lũ hạ lưu sông Kôn - Hà Thanh đã được phê duyệt nhằm ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng, thoát lũ, chống thiên tai gây ra do bão lụt, triều cường, nước dâng, sóng lớn, xói lở ven bờ, giảm ngập lụt cho vùng thượng lưu;

- Trồng rừng ngập mặn làm giảm khí thải nhà kính, chắn sóng, gió, chống xói lở chân đê và giữ phù sa gây bãi, cải tạo cảnh quan môi trường, tạo điều kiện phát triển du lịch sinh thái trong đầm Thị Nại;

- Kết hợp làm đường giao thông trên mặt đê phục vụ đi lại của nhân dân, bảo đảm phục vụ công tác cứu hộ cứu nạn khẩn cấp khi mưa bão; Chính trang bộ mặt đô thị và xây dựng nông thôn mới;

- Phục hồi và phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân của khu vực, góp phần xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an ninh quốc phòng.

b) Mục tiêu đạt được: Đúng theo mục tiêu được phê duyệt.

2.2. Tình hình giải ngân

a) Kinh phí đã giao: 257.308.000.000 đồng.

- Ngân sách Trung ương: 238.000.000.000 đồng;

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh, huyện: 19.308.000.000 đồng.

b) Kinh phí giải ngân: 257.305.000.000 đồng

- Ngân sách Trung ương: 238.000.000.000 đồng;

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh, huyện: 19.305.000.000 đồng.

c) Kinh phí dự kiến giải ngân đến hết năm 2021: Không

2.3. Các kết quả đạt được đến thời điểm báo cáo

a) Mục tiêu đạt được:

- Củng cố, nâng cấp đê và công trình trên hệ thống đê Đông thuộc vùng cửa ra sông Kôn, sông Hà Thanh và ven đầm Thị Nại đảm bảo chống lũ, ngăn triều cường và nước biển dâng, tổng chiều dài toàn tuyến đê 25,54 km. Sửa chữa nâng cấp 16 tràn qua đê và 19 cống tiêu, xây dựng mới 6 cống tiêu tại các vị trí cống cũ.

- Trồng và phục hồi 48,2 ha rừng ngập mặn tại khu vực cửa ra sông Hà Thanh, sông Kôn và ven chân đê.

b) Khối lượng đã thực hiện: Đạt theo khối lượng được phê duyệt.

c) Tỷ lệ khối lượng hoàn thành so với quy mô được duyệt: Hoàn thành 100%.

2.4. *Dự kiến khả năng hoàn thành dự án:* Dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2018.

3. Đánh giá chung

3.1. *Thuận lợi:* Công trình đã hoàn thành đúng kế hoạch đề ra và đạt yêu cầu.

3.2. *Khó khăn, vướng mắc:* Không.

3.3. *Nguyên nhân:* Không.

3.4. *Cam kết tiến độ thực hiện, giải ngân:* Không.

3.5. *Đề xuất, kiến nghị:* Không.

4. Các tài liệu kèm theo

4.1. Quyết định phê duyệt dự án và các Quyết định điều chỉnh, bổ sung:

- Quyết định số 832/QĐ-CTUBND ngày 19/4/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư.

- Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 31/5/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng.

- Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 01/4/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng.

- Quyết định số 3685/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng.

- Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng.

- Quyết định số 4441/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng.

4.2. *Quyết định phân bổ kinh phí (NSTW, đối ứng).*

4.3. *Biên bản bàn giao, nghiệm thu hạng mục, dự án hoàn thành.*

4.4. *Báo cáo hoàn thành.*

4.5. *Quyết định phê duyệt dự án hoàn thành.*

4.6. *Xác nhận của Kho bạc nhà nước về số liệu thanh toán vốn đầu tư hàng năm và tính đến 30/9/2021 (Bao gồm vốn NSTW, NSDP, nguồn khác).*

III. Dự án “Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cận để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định” (thuộc Hợp phần Tăng trưởng xanh)

1. Thông tin chung

1.1. *Tên dự án:* Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cận để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định.

- Địa điểm xây dựng: huyện Tây Sơn, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Được đầu tư theo: Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

1.2. *Chủ đầu tư*: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định, số 200 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.3. *Thời gian thực hiện dự án*: 2018-2020.

1.4. *Nguồn vốn*: 52.938.316.000 đồng (*Biểu 01 kèm theo*).

- Ngân sách Trung ương: 50.000.000.000 đồng;

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh, huyện: 2.939.316.000 đồng.

2. Đánh giá tình hình thực hiện

2.1. Mục tiêu thực hiện

a) Mục tiêu được duyệt:

- Xây dựng thử nghiệm mô hình tưới tiết kiệm trong việc trồng cây có múi, nhằm đảm bảo cung cấp độ ẩm theo nhu cầu sinh lý cây có múi để tạo sản lượng cao, bền vững; sản phẩm đạt các tiêu chuẩn về chất lượng, an toàn, có hiệu quả kinh tế cao và có khả năng cạnh tranh.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp cho cây trồng cạn tại các vùng hoang hóa do khô hạn. Mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp tại các vùng khô hạn, tăng thời gian canh tác trong năm tại những vùng hiện chỉ canh tác một vụ do thiếu nước tưới.

- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước để phục vụ sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm nông nghiệp, tạo ra sản phẩm nông nghiệp sạch, có giá trị cao đáp ứng nhu cầu sử dụng hiện nay, hướng đến tăng trưởng xanh bền vững, giảm tổn thất do các yếu tố bên ngoài như hạn hán, sa mạc hóa và xói mòn đất.

- Góp phần thúc đẩy công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong nông nghiệp, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để tạo ra sản phẩm sạch, đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm, góp phần tăng năng suất lao động, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

- Tạo đà thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, giải quyết vấn đề cân bằng vùng miền, tạo cơ sở để hoàn thành các chương trình mục tiêu Chương trình ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Mục tiêu đạt được: Đúng theo mục tiêu được phê duyệt.

2.2. Tình hình giải ngân

a) Kinh phí đã giao: 52.938.316.000 đồng

- Ngân sách Trung ương: 50.000.000.000 đồng;

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh, huyện: 2.939.316.000 đồng.

b) Kinh phí giải ngân: 52.938.316.000 đồng

- Ngân sách Trung ương: 50.000.000.000 đồng;

- Vốn đối ứng ngân sách tỉnh, huyện: 2.939.316.000 đồng.

c) Kinh phí dự kiến giải ngân đến hết năm 2021: Đã giải ngân khoảng kinh phí cuối cùng vào 9/2021: 56.114.000 đồng (Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán).

2.3. Các kết quả đạt được đến thời điểm báo cáo

a) Mục tiêu đạt được:

- Xây dựng Trạm bơm Tân Lệ đảm bảo cấp nước tưới cho 80 ha đất sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng hệ thống tưới tiết kiệm xã Mỹ Tài và xã Mỹ Chánh Tây: Đảm bảo cấp nước tưới cho 350 ha đất sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng Mô hình hệ thống tưới tiết kiệm cây có múi: Đảm bảo cấp nước tưới 14,87 ha các loại cây có múi (cây bưởi, mít...).

b) Khối lượng đã thực hiện: Đạt theo khối lượng được phê duyệt.

c) Tỷ lệ khối lượng hoàn thành so với quy mô được duyệt: Hoàn thành 100%.

2.4. Dự kiến khả năng hoàn thành dự án: Dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2020.

3. Đánh giá chung

3.1. Thuận lợi: Công trình đã hoàn thành đúng kế hoạch đề ra và đạt yêu cầu.

3.2. Khó khăn, vướng mắc: Không.

3.3. Nguyên nhân: Không.

3.4. Cam kết tiến độ thực hiện, giải ngân: Không.

3.5. Đề xuất, kiến nghị: Không.

4. Các tài liệu kèm theo

4.1. Quyết định phê duyệt dự án và các Quyết định điều chỉnh, bổ sung:

- Quyết định số 3406/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng.

- Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng.

4.2. Quyết định phân bổ kinh phí (NSTW, đối ứng):

4.3. Biên bản bàn giao, nghiệm thu hạng mục, dự án hoàn thành.

4.4. Báo cáo hoàn thành.

4.5. Quyết định phê duyệt dự án hoàn thành.

4.6. Xác nhận của Kho bạc nhà nước về số liệu thanh toán vốn đầu tư hàng năm và tính đến 30/9/2021 (Bao gồm vốn NSTW, NSDP, nguồn khác).